

Bản án số: 644/2018/DS-ST

Ngày: 29-11-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Quý

2. Bà Phan Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 234/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Đình Q

Địa chỉ: phường L, quận T, Thành phố H.

Bị đơn:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm: 1984

2/ Ông Nguyễn Phước D, sinh năm: 1976

Cùng địa chỉ: phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị X, sinh năm: 1968

Địa chỉ: phường L, quận T, Thành phố H.

(Ông Q có mặt; Bà O, ông D và bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 28/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/3/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Đình Q trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Phước D là bạn bè nhiều năm. Tháng

3/2014, bà O ông D đến nhà và mượn của vợ chồng ông 40.000.000 đồng, có lập giấy vay nợ và do 2 vợ chồng cùng ký tên. Sau này bà O có đến nhà ông và vay thêm nhiều lần nhưng không có ông D đi cùng, mỗi lần đều lập giấy vay nợ mới và hai bên cùng xóa bỏ giấy vay cũ. Đến ngày 30/7/2017, bà O đến mượn thêm 300.000.000 đồng và cộng với số tiền vay cũ 700.000.000 đồng, tổng cộng 1.000.000.000 đồng. Hai bên cùng ký giấy thỏa thuận mượn tiền mới, nội dung: Số tiền vay: 1.000.000.000.000 đồng; Lãi suất vay: 2%/tháng; Thời hạn vay: 36 tháng; Phương thức trả nợ: Trả góp từ mười triệu trở lên, được trừ vào vốn, lãi vào tháng kế tiếp.

Tài sản thế chấp là 01 giấy chứng nhận Ô Sạp tạ chợ L, quận T, Thành phố H và 01 Giấy chứng nhận xe ô tô. Bản chính của những giấy tờ thế chấp bà O đã lấy lại.

Thực hiện thỏa thuận, Ông đã đưa cho bà O 300.000.000 đồng và bà O chỉ trả được 02 tháng tiền lãi, tổng cộng là 40.000.000 đồng, không trả gốc. Từ 30/9/2017, bà O không trả nợ cho ông theo đúng thỏa thuận dù ông đã nhiều lần liên hệ.

Do tin tưởng nên ông để bà O mang Giấy thỏa thuận về cho ông D ký tên chứ không ký trước mặt ông. Nay ông xác định chữ ký trong Giấy thỏa thuận không phải là của ông D.

Ngày 13/9/2018, Ông Q có đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà O và ông D liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng.
- Buộc bà O chịu trách nhiệm trả số tiền 960.000.000 đồng.

Không yêu cầu bà O, ông D trả tiền lãi còn thiếu.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Phước D trình bày: Ông xác nhận tháng 03/2014, ông và bà O có đến nhà mượn của ông Lê Đình Q 40.000.000 đồng. Những khoản tiền bà O vay thêm sau này ông không biết và bà O cũng không mang tiền về lo cho gia đình. Chữ ký mang tên ông trong Giấy thỏa thuận ngày 30/7/2017 không phải của ông. Ông đồng ý cũng bà O liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng đã vay năm 2014 cho ông Q. Đối với số tiền 960.000.000 đồng còn lại, ông đề nghị bà O chịu trách nhiệm trả một mình. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông đề nghị được trả dần cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại bản tự khai ngày 13/4/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị X trình bày: Bà là vợ của ông Lê Đình Q. Số tiền ông Q cho bà O ông D mượn là tiền của hai vợ chồng. Bà thống nhất với phần trình bày của ông Q và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Q.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn ông D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trừ việc Tòa án vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn bà O không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Q yêu cầu bà O, ông D thanh toán số tiền vay còn nợ của Giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 30/7/2017 nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bà O ông D cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà X có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà O và ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà X, bà O và ông D.

* Về yêu cầu của đương sự:

[1] Căn cứ Giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 30/7/2017; Bảng theo dõi thu lãi và gốc hàng tháng và lời trình bày của các đương sự thì đủ cơ sở kết luận: Quan hệ vay tài sản giữa ông Q và bà O ông D là có thật và phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q xác định chữ viết và chữ ký mang tên “Nguyễn Phước D” tại Giấy thỏa thuận ngày 30/7/2018 không phải là chữ ký của ông D và có đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu buộc bà O ông D liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 đồng; Bà O chịu trách nhiệm trả số tiền 960.000.000 đồng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông D cũng xác nhận ông có cùng bà O vay số tiền 40.000.000 đồng từ tháng 03/2014 với lãi suất 2%/tháng, đồng ý cùng chịu trách nhiệm với bà O trả số tiền này. Đối với số tiền 960.000.000 đồng còn lại, bà O phải chịu trách nhiệm trả một mình vì ông không biết bà O khi nào, vay làm gì và bà O cũng không mang về lo cho gia đình.

Bà O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy thỏa thuận ngày 30/7/2017 có nội dung: Số tiền vay 1.000.000.000 đồng; Lãi suất: 2%/tháng; Thời hạn vay 36 tháng; Phương thức trả nợ: Trả góp từ 10.000.000 đồng trở lên, được trừ vào vốn, lãi của tháng kế tiếp. Thực tế, bà O chỉ trả được 2

tháng tiền lãi, tổng cộng 40.000.000 đồng và kể từ tháng 10/2017 đến nay, bà O không trả nợ đúng hạn và cố tình trốn tránh ông Q.

Xét, việc bà O vi phạm thỏa thuận thanh toán gốc, lãi theo từng kỳ cho ông Q là vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận khi giao kết hợp đồng, làm cho mục đích khi giao kết hợp đồng của ông Q không đạt được vi phạm quy định tại Điều 428 và khoản 2 Điều 423 Bộ luật Dân sự.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà O ông D có trách nhiệm liên đới trả số tiền 40.000.000 đồng và bà O có trách nhiệm trả số tiền 960.000.000 đồng cho ông Q bà X.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực...*”. Tại Giấy thỏa thuận ngày 30/7/2017, các bên thỏa thuận lãi suất khi vay là 2%/tháng = 24%/năm. Do lãi suất do các bên thỏa thuận đã vượt quá quy định của pháp luật nên phần lãi suất vượt quá quy định là $24\% - 20\% = 4\%$ /năm không có hiệu lực.

Xét, từ ngày phải trả lãi đầu tiên 30/8/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/11/2018 là tương đương 16 tháng nên tổng số tiền lãi bà O, ông D phải trả là: $20\%/năm \times 1.000.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} = 266.666.667 \text{ đồng}$. Thực tế, bà O chỉ trả được 40.000.000 đồng. Do đó, số tiền lãi mà bà O đã trả không vượt quá theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bà O và ông D trả tiền lãi còn nợ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà O ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể:

Bà O và ông D chịu án phí: $40.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.000.000 \text{ đồng}$

Bà O chịu án phí: $36.000.000\text{đ} + [(960.000.000\text{đ} - 800.000.000\text{đ}) \times 3\%] = 40.800.000 \text{ đồng}$

Hoàn lại cho ông Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 428 và khoản 2 Điều 423, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đình Q đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Phước D.

- Bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Phước D cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho ông Lê Đình Q và bà Đỗ Thị X số tiền 40.000.000 đồng

- Bà Nguyễn Thị Kim O có trách nhiệm thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho ông Lê Đình Q và bà Đỗ Thị X số tiền 960.000.000 đồng.

Ghi nhận việc ông Lê Đình Q không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Phước D trả số tiền lãi còn thiếu

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 (Hai triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Kim O và ông Nguyễn Phước D chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự sơ thẩm 40.800.000 (Bốn mươi triệu tám trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Kim O chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Lê Đình Q 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004253 ngày 29/03/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Lê Đình Q có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Kim O, ông Nguyễn Phước D và bà Đỗ Thị X vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Quỳnh